

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN THÀNH REAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN THÀNH REAL
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC TIEN THANH REAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGOC TIEN THANH REAL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3702883908

3. Ngày thành lập: 16/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thửa đất số 78 , tờ bản đồ số 21, Ấp 6 , Xã Tân Long, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: quản lý bất động sản; môi giới bất động sản; định giá bất động sản; sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn pháp lý)	6820
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1410
5.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, vi chất dinh dưỡng, mật ong, thực phẩm thông thường	4632
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: nhà trọ, phòng trọ, nhà nghỉ, khách sạn	5510
7.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ karaoke (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh karaoke)	9329
8.	Phá dỡ	4311
9.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: dịch vụ vệ sinh công nghiệp (trừ tẩy, nhuộm).	8129

10.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1392
11.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
12.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Xây dựng nhà không để ở	4102
15.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ môi giới kết hôn, nhận cha mẹ con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài)	4610
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (sản phẩm sản xuất trong nước)	4711
19.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
20.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
22.	Xây dựng nhà để ở	4101
23.	Chăn nuôi gia cầm (Chỉ được chăn nuôi sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	0146
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Chăn nuôi khác (Chỉ được chăn nuôi sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (Chỉ được chăn nuôi sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	0145
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
31.	Tái chế phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)	3830
32.	Chế biến và bảo quản rau quả (Chỉ được chế biến và bảo quản sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1030

33.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
35.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi; lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất)	5210
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	2211
41.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
42.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
43.	Trồng cây mía	0114
44.	Trồng cây lấy sợi	0116
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
49.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
50.	Trồng cây hàng năm khác	0119
51.	Trồng cây ăn quả	0121
52.	Trồng cây điều	0123
53.	Trồng cây hồ tiêu	0124
54.	Trồng cây cao su	0125
55.	Trồng cây chè	0127
56.	Trồng cây lâu năm khác	0129
57.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (Chỉ được chăn nuôi sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	0141
58.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (Chỉ được chăn nuôi sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	0144

59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng)	4620
60.	Trồng cây cà phê	0126
61.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
62.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không chứa than đá tại tỉnh Bình Dương; không sang, chiết, nạp khí hóa lỏng)	4661

6. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ NGỌC NINH	Số 81/2, đường ĐX 071, tổ 36, khu 5, Phường Định Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	160.000.000.000	80,000	281092101	
2	LÊ THỊ AN	Ấp 6, Xã Tân Long, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	40.000.000.000	20,000	281137119	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ AN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281137119

Ngày cấp: 09/04/2019

Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 6, Xã Tân Long, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp 6, Xã Tân Long, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương

